

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2017/HSPT
Ngày 15/11/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Thông

Các Thẩm phán:

Ông Lương Đức Dương

Ông Nguyễn Văn Thuyên.

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Duy Cường – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên toà: Ông Trần Duy Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 99/2017/TLPT-HS ngày 24 tháng 10 năm 2017 đối với các bị cáo Trần Kim V, Trần Kiểm L và Phan Văn N do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số : 40/2017/HSST ngày 11 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Trần Kim V, sinh năm 1971 tại tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Thôn 6, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá: 6/12; con ông Trần Kim P (đã chết) và bà Nguyễn Thị H (đã chết); có vợ là Lương Thị C và 05 con, con lớn nhất sinh năm 1992, con nhỏ nhất sinh năm 2000; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú – hiện đang tại ngoại. Có mặt.

2. Trần Kiểm L, sinh năm 1992 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Thôn 6, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá: 6/12; Con ông Trần Kim V và bà Lương Thị C; có vợ là Cao Thị Thu H và 01 con sinh năm 2016; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú – hiện đang tại ngoại. Có mặt.

3. Phan Văn N, sinh năm 1988 tại tỉnh Nghệ An; nơi ĐKKHKT: Thôn 1A, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Thôn 3, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá: 8/12; con ông Phan Văn K, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1962; có vợ là Nguyễn Thị T; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú – hiện đang tại ngoại. Có mặt.

- Nguyên đơn dân sự: Công ty TNHH MTV Đ

Trụ sở: Thôn 10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Đại diện theo pháp luật của nguyên đơn dân sự: ông Nguyễn Xuân D – chức vụ: giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Tất Đ – C/v: Cán bộ phòng kỹ thuật (Theo văn bản ủy quyền ngày 09/9/2017).

Địa chỉ: Công ty TNHH MTV Đ, thôn 10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

NLQ1, sinh năm 1992.

Nơi ĐKKHKT: Tổ 4, phường Nghĩa Thành, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

Chỗ ở: Thôn 3, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

NLQ2, sinh năm 1994.

Nơi ĐKKHKT: Thôn 6, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

NLQ3, sinh năm 1998.

Nơi ĐKKHKT: Thôn 6, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối tháng 11 năm 2015, Trần Kim V và Phan Văn N góp tiền mua của NLQ1 diện tích rừng khoảng 0,1ha, tại lô 19, khoảnh 12, tiểu khu 1666 do Công ty TNHH MTV Đ quản lý (*thuộc địa phận thôn 6, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông*) với số tiền 3.000.000 đồng, có viết giấy sang nhượng (*đã bị thất lạc*). Hiện trạng đất khi mua bán đã được dọn sạch, chỉ còn lại cây lồ ô, trên đất đã trồng một số cây hoa màu. Do muốn mở rộng diện tích đất lên phía trên để lấy đất làm rẫy nên V nói với N cùng với các con của V là Trần Kiêm L, NLQ2, NLQ3 cùng tham gia hủy hoại rừng tại diện tích nói trên.

Sau khi mua, Trần Kim V thuê NLQ1 đi phát rong cây rừng, được NLQ1 đồng ý, NLQ1 gọi thêm T, M, B (chưa rõ nhân thân lai lịch) cùng tham gia phát rong cây rừng trong thời gian 03 ngày, cụ thể:

Ngày thứ nhất: Khoảng 19 giờ 00 phút, NLQ1 cùng với T, M, B, V, L, N, NLQ2 và NLQ3 mỗi người mang theo 01 dao phát và đèn pin phát rong cây rừng có đường kính dưới 10cm. Quá trình phát rong thì V đứng ngoài đường đất để cảnh giới, NLQ3 cảnh giới dọc theo đường mòn, còn NLQ2 đi cảnh giới ở ngoài đường gần trạm 4, các đối tượng khác gồm L, N, NLQ1, M, T, B thì chia nhau đi phát rong cây rừng. Các đối tượng phát rong cây rừng liên tục đến khoảng 23 giờ cùng ngày thì nghỉ. V trả cho NLQ1 1.200.000 đồng, NLQ1 trả công cho T, M, B mỗi người 300.000 đồng.

Ngày thứ hai: Cũng thời gian như lần thứ nhất, V cảnh giới ở ngoài đường đất, NLQ2 cảnh giới ở ngoài đường gần trạm 4, còn các đối tượng L, N, NLQ1, M, T, B mỗi người mang theo 01 dao phát và 01 đèn pin chia nhau đi phát rong cây rừng đến khoảng 23 giờ cùng ngày thì nghỉ. V trả cho NLQ1 1.700.000 đồng,

NLQ1 trả công cho T, M, B mỗi người 400.000 đồng, riêng NLQ1 được số tiền 500.000 đồng.

Ngày thứ ba: Mỗi người mang theo 01 con dao phát và đèn pin đi phát rong cây rừng cho V. Đến khoảng 22 giờ 00 phút cùng ngày, trong khi đang phát rong thì thấy có ánh đèn pin bên kia khe suối, sợ bị lực lượng chức năng phát hiện nên tất cả nghỉ đi về. Lần này các đối tượng NLQ1, T, M, B không lấy tiền công của V.

Đến cuối tháng 12/2015 (âm lịch), V và L tiếp tục thuê NLQ1 đi cưa hạ cây rừng cho V với số tiền 6.000.000 đồng/01ha, được NLQ1 đồng ý. Thời điểm này, gia đình V về quê ăn Tết nguyên đán nên L đưa lại chìa khóa nhà và 01 cưa xăng hiệu Still 381 cho NLQ1 để thuận lợi cho việc cưa hạ cây rừng. Ngày đầu tiên, NLQ1 cưa hạ cây rừng tại vị trí gần đường be, được khoảng 05 đến 10 cây rừng thì thấy có ánh đèn pin bên kia khe suối, sợ bị lực lượng chức năng phát hiện nên NLQ1 nghỉ đi về, sau đó, NLQ1 không cưa hạ cây rừng tại đây nữa.

Đến ngày 06/01/2016 (âm lịch) ăn Tết xong, V về lại thôn 3, xã T thì nghe NLQ1 kể lại sự việc trên. Sau đó, V nói với N và các con của V gồm L, NLQ2, NLQ3 cùng tham gia cưa hạ cây rừng, các đối tượng mang theo cưa xăng vào diện tích rừng nói trên cưa hạ cây rừng trong hai ngày, cụ thể:

Ngày thứ nhất: khoảng 20 giờ 00 phút, N mang theo 01 cưa xăng và đèn pin, điều khiển xe máy đến nhà V. Sau đó N, L, NLQ3 điều khiển 02 xe máy mang theo 02 cưa xăng, mỗi người 01 đèn pin đi cưa hạ cây rừng. Đến nơi V đứng ở đường đất để canh giới, NLQ3 canh giới ở chỗ đường mòn, còn L và N mỗi người sử dụng 01 cưa xăng đi cưa hạ cây rừng. L cưa hạ cây rừng ở phía dưới chỗ giáp đường mòn và khe suối, còn N cưa hạ cây rừng ở phía trên chỗ giáp rừng tự nhiên và rừng đã bị người khác cưa hạ trước đó. Các đối tượng cưa hạ cây rừng đến khoảng 23 giờ 00 phút cùng ngày thì nghỉ đi về.

Ngày thứ hai: khoảng 20 giờ 00 phút, N, L, NLQ2 điều khiển 02 xe máy mang theo 02 cưa xăng, mỗi người 01 đèn pin đi cưa hạ cây rừng. Đến nơi V và NLQ2 đứng ngoài canh giới, còn L và N mỗi người sử dụng 01 cưa xăng cưa hạ cây rừng tại vị trí ngày thứ nhất đã cưa hạ, các đối tượng cưa hạ cây rừng liên tục đến 22 giờ 00 phút cùng ngày thì nghỉ đi về, sau đó bị cơ quan chức năng phát hiện.

Ngày 26/11/2016 cơ quan CSĐT Công an huyện Đ cùng các đối tượng Trần Kim V, Trần Kiểm L, NLQ3, NLQ2, Phan Văn N tiến hành khám nghiệm hiện trường, xác định diện tích rừng bị hủy hoại là tại lô 19, khoảnh 12, tiểu khu 1666 do công ty TNHH MTV Đ quản lý. Tổng diện tích rừng bị hủy hoại là 6.120m². Quá trình khám nghiệm xác định, ngày thứ nhất các đối tượng hủy hoại diện tích rừng là 2.249m², diện tích rừng ngày thứ hai hủy hoại là 3.880m².

Ngày 29/11/2016, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã trưng cầu giám định mức độ thiệt hại, trạng thái rừng bị thiệt hại, giá trị thiệt hại về lâm sản và môi trường tính thành tiền của diện tích rừng nói trên. Tại bản kết luận giám định ngày 30/11/2016, giám định viên Hà Phú H kết luận: diện tích rừng bị hủy hoại là

6.120m² thuộc lô 19, khoảnh 12 tiểu khu 1666 là rừng sản xuất, mức độ thiệt hại 100%, giá trị thiệt hại về lâm sản và môi trường là 29.568.700 đồng.

Ngày 16/3/2017 Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ cùng Hạt kiểm lâm huyện Đ và các đối tượng NLQ1, Trần Kim V tiến hành khám nghiệm hiện trường xác định số lượng lâm sản và diện tích rừng mà NLQ1 đã hủy hoại. Kết quả xác định, đối tượng NLQ1 dùng cưa hủy hoại 05 cây rừng có đường kính 12cm đến 24cm, có diện tích 60,3m² tại lô 19, khoảnh 12, tiểu khu 1666, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã tiến hành trưng cầu giám định xác định mức độ thiệt hại, trạng thái rừng bị thiệt hại, giá trị thiệt hại về lâm sản và môi trường tính thành tiền của diện tích rừng nói trên. Ngày 28/3/2017 giám định viên Nguyễn Phi V kết luận không có cơ sở xác định mức thiệt hại về lâm sản đối với diện tích đất rừng trên.

Quá trình điều tra thu giữ 01 cưa xăng đã qua sử dụng, không rõ nhãn mác, màu cam – trắng, lam cưa dài 70cm; 01 lưỡi dao phát bằng kim loại dài 34cm, bản rộng nhất 06cm, đầu bằng; 01 dao phát dài 100cm, cán gỗ tròn dài 55cm, đường kính 04cm, lưỡi dao bằng kim loại dạng quắm, bản rộng nhất 05cm, mũi nhọn.

Đối với 01 cưa xăng Still 381 vỏ màu đỏ - cam, lam dài 70cm đây là cưa xăng của Phan Văn N, N cho NLQ1 mượn, NLQ1 đã làm thất lạc, không thể thu giữ.

Đối với các vật chứng gồm 03 dao phát, mỗi con dài khoảng 80cm, lưỡi dao dài khoảng 30cm, cán dài khoảng 50cm; 01 con dao nhọn dài khoảng 60cm, mũi nhọn, lưỡi dao dài khoảng 45cm, cán dao dài khoảng 15cm; 06 đèn pin loại đội đầu, màu đỏ, đường kính mặt đèn khoảng 06-07cm, loại đèn 01 bóng chiếu sáng; 01 xe máy độ chế, thay đổi kết cấu xe, không rõ nhãn hiệu, số khung, số máy mà Trần Kim V sử dụng làm phương tiện đi lại trong quá trình phạm tội; 01 xe máy độ chế, thay đổi kết cấu xe, không rõ nhãn hiệu, số khung, số máy mà Phan Văn N sử dụng làm phương tiện đi lại trong quá trình phạm tội; 01 điện thoại di động hiệu NOKIA màu đen, loại bàn phím của Trần Kiểm L sử dụng để liên lạc trong quá trình phạm tội; 01 điện thoại di động không rõ nhãn hiệu, màu đen, loại bàn phím Trần Kim V sử dụng trong quá trình phạm tội; 02 giấy tờ sang nhượng đất rừng giữa Trần Kim V, Phan Văn N và NLQ1. Toàn bộ các vật chứng trên, các bị can và các đối tượng đã làm thất lạc, không thể thu giữ.

Tại bản án số: 40/2017/HSST ngày 11/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Trần Kim V, Trần Kiểm L, Phan Văn N phạm tội “*Hủy hoại rừng*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 189 điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS: Xử phạt bị cáo Trần Kim V 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 189 điểm b, p khoản 1 Điều 46 BLHS: Xử phạt bị cáo Phan Văn N 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 189 điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS: Xử phạt bị cáo Trần Kiểm L 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, về vật chứng của vụ án, về án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 22 tháng 9 năm 2017 các bị cáo Trần Kim V, Trần Kiểm L và Phan Văn N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa, các bị cáo Trần Kim V, Trần Kiểm L và Phan Văn N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và thừa nhận Viện kiểm sát truy tố và Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “*hủy hoại rừng*” theo khoản 1 Điều 189 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, không oan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông sau khi phân tích các tình tiết của vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 248; điểm d khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Kim V, Phan Văn N; chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Trần Kiểm L giữ nguyên hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo. Áp dụng khoản 1 Điều 189 điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Kiểm L 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “*Hủy hoại rừng*”, thời gian thử thách là 12 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Các bị cáo không có ý kiến gì bào chữa, đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ nội dung vụ án, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1]. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Trần Kim V, Trần Kiểm L và Phan Văn N đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu khác lưu trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Vào tháng 01/2016 (*âm lịch*) khoảng 20h không nhớ ngày, các bị cáo đã dùng cưa xẻng cưa hạ một số cây rừng để lấy đất làm rẫy, các bị cáo thực hiện trong hai ngày, diện tích rừng bị huỷ hoại là 6.120m² tại lô 19, khoảnh

12, tiểu khu 1666 do Công ty TNHH MTV Đ quản lý, là rừng sản xuất, mức độ thiệt hại 100%, giá trị thiệt hại về lâm sản và môi trường là 29.568.700 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “*Hủy hoại rừng*” theo khoản 1 Điều 189 của Bộ luật hình sự là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo của các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo, Hội đồng xét xử xét thấy: Đối với bị cáo Trần Kim V và Phan Văn N là người trực tiếp mua đất rừng do NLQ1 bán, do muốn mở rộng diện tích đất để làm rẫy, nên V đã nói với N cùng các con của bị cáo V là L, NLQ2, NLQ3 cùng tham gia huỷ hoại rừng. Sau khi nghe V khởi xướng bị cáo N nhất trí cao và tham gia một cách tích cực, là người trực tiếp dùng cưa xăng hạ cây rừng. Bị cáo V là người khởi xướng và tham gia với vai trò là người cảnh giới để các bị cáo khác yên tâm huỷ hoại rừng, các bị cáo thực hiện trong thời gian hai ngày, diện tích rừng bị huỷ hoại là 6.120m². Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội các bị cáo gây ra và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, xử phạt bị cáo Trần Kim V, Phan Văn N mỗi bị cáo 09 tháng tù là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo không cung cấp thêm được tình tiết nào mới để Hội đồng xét xử xem xét. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Kim V và Phan Văn N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Đối với bị cáo Trần Kiêm L là người tham gia trực tiếp huỷ hoại rừng trong thời gian hai ngày. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xử phạt bị cáo 06 tháng tù là tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội do bị cáo gây ra. Tuy nhiên, bị cáo Trần Kiêm L là con ruột của bị cáo Trần Kim V, bị cáo tham gia huỷ hoại rừng là do bị cáo V bảo đi phụ giúp công việc trong gia đình, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, là lao động chính trong gia đình, hoàn cảnh gia đình khó khăn và có đủ điều kiện được hưởng án treo quy định tại Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Do đó, cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Trần Kiêm L giữ nguyên hình phạt tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Án phí hình sự phúc thẩm : Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Trần Kim V, Phan Văn N mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm. Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên bị cáo Trần Kiêm L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 248; điểm đ khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Kim V, Phan Văn N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 189, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Kim V 09 (chín) tháng tù về tội “*Hủy hoại rừng*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 189, điểm b, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phan Văn N 09 (chín) tháng tù về tội “*Hủy hoại rừng*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Trần Kiểm L, sửa bản án sơ thẩm số: 40/2017/HSST ngày 11/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ về biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo Trần Kiểm L.

- Áp dụng khoản 1 Điều 189, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, khoản 1 khoản 2 Điều 60 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Kiểm L 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “*Hủy hoại rừng*”, thời gian thử thách là 12 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Trần Kiểm L cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

3. Về án phí Hình sự phúc thẩm: Bị cáo Trần Kim V và Phan Văn N mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại Tp Hồ Chí Minh;
- VKS nhân dân tỉnh Đắk Nông;
- Phòng HSNV CS CA tỉnh Đắk Nông;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Tòa án nhân dân huyện Đ;
- CCTHA dân sự huyện Đ;
- Các bị cáo;
- Tổ Hành chính – Tư pháp;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Thị Thông